

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày 29-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Nghi

2. Ông Vi Ngọc Trung

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tiến, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dự - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn N** - Sinh năm 1958; Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản Chiềng Hin, xã Hiên Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 4/10; Con ông: Vi Văn Y, đã chết; Con bà: Hà Thị H, sinh năm 1931; Vợ là Lò Thị P, sinh năm 1961; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại theo “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” số 09/LCĐKNCT-TAQH ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:**

- Ông Nguyễn Ngọc K – Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bà Lê Thu H - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/3/2021, Tổ công tác Công an huyện Quan Hóa đnag làm nhiệm vụ tại bản Chiềng Hin, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa thì phát hiện tiếng nổ và mùi khét của thuốc súng tại nhà Vi Văn N, Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra và phát hiện Vi Văn N có hành vi “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ toàn bộ tang vật, gồm:

01 thùng nhựa (dạng thùng đựng sơn) bên trong chứa chất bột màu đen, Vi Văn N khai đây là thuốc nổ.

01 túi nilon màu vàng, bên trong chứa các viên kim loại hình cầu, Vi Văn N khai đây là đạn của súng tự chế.

Ngày 12/3/2021, Công an huyện huyện Quan Hóa đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Thanh Hóa để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 1095/PC09 ngày 17/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các viên kim loại hình cầu trong vụ việc nêu trên gửi đến giám định không phải là vũ khí quân dụng. Các viên kim loại này thường được dùng trong đạn súng kíp hoặc trong đạn ghém (đạn ria) hoặc sử dụng cho một số loại súng hơi, súng nén hơi, súng nén lò xo... Tổng khối lượng 21,2kg (Hai mươi một phẩy hai kilogam).

Tại bản kết luận giám định số 1111/PC09 ngày 19/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột màu đen chứa trong thùng nhựa (dạng thùng đựng sơn) được dán kín, niêm phong trọng vụ trên gửi đến giám định là thuốc nổ, loại thuốc nổ đen – thuộc vật liệu nổ. Tổng khối lượng thuốc nổ trên là 5,8kg (Năm phẩy tám kilogam).

Quá trình điều tra, Vi Văn N khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 07/3/2021 khi Vi Văn N đang ở nhà thì có 01 người đàn ông đến nhà N, lúc này chỉ có mình N ở nhà. Tại đây, người này giới thiệu quê ở tỉnh Hòa Bình có đem theo thuốc nổ kèm theo các viên đạn dùng cho súng tự chế (đạn bi) và hỏi Nhơ có mua thì người này bán cho và hướng dẫn cho Nhơ cách đóng gói, chia nhỏ số thuốc nổ này ra để bán. Lúc này, N nảy sinh ý định mua thuốc nổ để bán lại cho những người đi săn bắn tại địa phương để kiếm lời. Hai bên thỏa thuận và thống nhất mua bán 06kg thuốc nổ và 02 kg đạn bi với tổng số tiền là 1.400.000đ, Nhơ đưa trước 1.200.000đ còn nợ lại người này 200.000đ. Trước khi ra về, người đàn ông này đã gửi số đạn bi còn lại cho N và nhờ N bán, ít hôm nữa quay lại tính toán cụ thể. Khi mua bán xong, N đổ số thuốc nổ mua được vào trong một thùng nhựa (dạng thùng đựng sơn) và đem cất giấu vào trong nhà bếp của gia đình. Khoảng 12 giờ cùng ngày, vợ của N là Lò Thị P đi làm về, khi vào bếp của gia đình thì thấy chất bột màu đen ở trong thùng nhựa, nên đã hỏi N đây là gì, thì N nói đó là thuốc nổ mới mua về để bán, bà Lò Thị P nói với N như vậy là vi phạm pháp luật và yêu cầu N đem số thuốc nổ này vứt đi, rồi bà P tiếp tục đi lên đồi để chặt, bán luồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, N lấy số thuốc nổ trên ra để kiểm tra và đóng thành gói nhỏ, khoảng 01 lạng trên 01 gói, để tiện cho việc bán (Theo hướng dẫn của người đàn ông đã bán thuốc nổ cho N). Trong quá trình đóng gói, N đã lấy một ít thuốc nổ bỏ vào bếp lửa để kiểm tra, nhưng do thuốc nổ còn ướt, nên đã

gay ra tiếng nổ nhỏ và gây ra mùi khét thuốc súng lan rộng ra khu vực nhà N. Sau khi phát ra tiếng nổ và mùi khét thuốc nổ, thì Tổ công tác Công an huyện Quan Hóa đang làm nhiệm vụ gần đó đã đến nhà N kiểm tra, N khai báo là tiếng nổ và mùi khét thuốc súng là do N đốt thuốc nổ phát ra và khai nhận hành vi “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ” của mình.

Tại bản Cáo trạng số 42/Ctr-VKS-P1 ngày 14/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Vi Văn N về tội “*Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự.

Ngày 14/5/2021 Viện kiểm sát tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định phân công cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử đối với vụ án Vi Văn N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã được các tổ chức xã hội nghề nghiệp, chính quyền địa phương xá nhận về nhân thân tốt, chấp hành pháp luật tại địa phương và đề nghị cơ pháp luật cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bị cáo Vi Văn N phạm tội “*Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ*”.

Áp dụng: Điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn N từ **30** đến **36** tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 60 tháng, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo và hết tuổi lao động.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số thuốc nổ đen đã thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành. Hiện đang được bảo quản tại Công ty Minh Hương.

Đối với 21,2kg các viên kim loại hình cầu (đạn ria) đề nghị giao cho Công an huyện Quan Hóa xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và do bản thân, gia đình làm nghề trồng trọt, hiểu biết pháp luật hạn chế, bản thân không còn sức lao động, nghe lời dụ dỗ của người bán thuốc nổ nên mua thuốc nổ về bán kiếm lời trang trải cá nhân. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng cũng như đề nghị của của kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét đến thái độ của bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Đồng thời, Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều

kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên dẫn đến hạn chế về nhận thức pháp luật, hiện tại bị cáo tuổi đã cao, sức yếu, đang mang bệnh nặng (đái tháo đường tuýp 3), bị cáo bị tật ở mắt (mù 01 mắt), việc đi lại rất khó khăn và không đủ sức khỏe để chấp hành hình phạt tù; Nên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo, xử bị cáo hình phạt từ 24-30 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều cho bị cáo yên tâm cải tạo tại địa phương và vẫn có tính răn đe, phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Vì bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, đã hết tuổi lao động.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với lời bào chữa của người bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào phòng nghị án: Từ khi bị bắt, Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo xin được hưởng án treo, bị cáo hứa sẽ không vi phạm pháp luật, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra vụ án cơ quan điều tra, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bào chữa Lê Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa Lê Thu H. Căn cứ điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà Lê Thu H.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên, kết luận giám định và kết quả tranh luận tại phiên tòa, thể hiện: Sáng ngày 07/3/2021 bị cáo đang ở nhà thì có người đàn ông giới thiệu quê ở tỉnh Hòa Bình (Bị cáo không quen biết người này) vào nhà bị cáo, mời chào bị cáo mua thuốc nổ đen, đạn rìa để dùng cho súng tự chế và hướng dẫn bị cáo chia nhỏ thành nhiều gói cho dễ bán. Lúc này bị cáo đã nảy sinh ý định mua thuốc nổ đen để bán lại cho cho những người đi săn bắn tại địa phương để kiếm lời. Sau đó hai bên thỏa thuận giá cả và bị cáo đã mua của người này 06kg thuốc nổ đen và 02 kg đạn bi với tổng số tiền là 1.400.000đ, bị cáo trả trước cho người này

1.200.000đ, nợ lại 200.000đ. Khi người đàn ông này ra về, đã gửi lại số đạn bi cho bị cáo và nhờ bị cáo bán, hẹn vài hôm nữa sẽ quay lại tính toán cụ thể; Khi có thuốc nổ bị cáo bỏ thuốc nổ đen vào thùng đựng sơn và cất giấu vào trong bếp. Đến chiều tối cùng ngày, bị cáo lấy số thuốc nổ đen ra chia thành từng gói nhỏ (01 lạng/gói) để tiện cho việc bán. Trong quá trình đóng gói thì bị cáo đã lấy một ít thuốc nổ đen bỏ vào bếp lửa để kiểm tra thì thuốc đã nổ và gây ra mùi khét khắp lan rộng. Sau đó bị cáo bị Công an huyện Quan Hóa kiểm tra, phát hiện thu giữ toàn bộ thuốc nổ và các viên đạn ria. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm và hiện trường nơi xảy ra vụ án, phù hợp với biên bản khám xét, thu giữ, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Vi Văn N đã phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ” được quy định tại khoản 1 điều 305 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên phải nhận thức và biết được thuốc nổ là mặt hàng được nhà nước quản lý, nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ con người và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nên mọi hành vi chế tạo, cất giữ, mua bán, tàng trữ liên quan đến vật liệu nổ đều trái với quy định của pháp luật, đều bị pháp luật nghiêm cấm và là tội phạm, nhưng do nhận thức, hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo đã cố ý tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ để nhằm mục đích kiếm lời, thu lợi bất chính của bị cáo là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn công cộng và các quy định của Nhà nước về chế tạo, mua bán, tàng trữ và quản lý các vật liệu nổ. Ngoài ra, còn có thể đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của mọi người, ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện để nhằm đấu tranh, ngăn ngừa và răn đe.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, chỉ nghĩ đơn thuần do tập tục từ xa xưa của cha ông để lại là dùng thóc sừng để săn bắn thì không vi phạm pháp luật, nên bị cáo đã mua bán, tàng trữ vật liệu nổ, đồng thời bị cáo được chính quyền, đoàn thể xác nhận trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành, gương mẫu các đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, hương ước, có nhiều đóng góp cho thôn, bản, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, tuổi đã cao, sức yếu, đi lại khó khăn, bệnh tật (đái tháo đường tuýp 3), bị mù 01 mắt, gia đình thuộc diện cận nghèo. Tại phiên tòa vị đại diện viện kiểm sát luận tội đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nên HĐXX chấp nhận đề nghị này.

Ngày 13/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án, đã được xóa án tích. Căn cứ vào khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/20218 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo được coi là có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Nên HĐXX sẽ lên cho bị cáo một hình phạt tù có thời hạn, nhưng xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, được đoàn đoàn thể, chính quyền địa phương xin giảm nhẹ hình phạt, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng án treo theo Điều 65 BLHS, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục, vẫn đủ sức răn đe, phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tuổi đã cao, không còn sức lao động, thường xuyên ốm đau, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Chất bột màu đen có tổng khối lượng còn lại sau giám định là 5,6kg (Năm phẩy sáu kilogam), đây là những vật chứng của vụ án. Toàn bộ số vật chứng này hiện đang được bảo quản tại Công ty Minh Hương. Đây là vật liệu kinh doanh, sử dụng có điều kiện. Do đó cần phải căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 68 và Điều 70 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ”. Tịch thu toàn bộ số thuốc nổ đen thu giữ của bị cáo để giao cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các viên kim loại màu xám, có kích thước đường kính không đều nhau, có tổng khối lượng là 21,2kg, đây không phải là vật chứng của vụ án, nhưng không có giá trị sử dụng, tịch thu giao cho Cơ quan Công an huyện Quan Hóa xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về biện pháp tư pháp: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đối với Vi Văn N sẽ hết hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo có tội, nên buộc bị cáo án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại các Điều 331, điều 332, điều 333, điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Các nhận định khác: Đối với người đàn ông đã bán thuốc nổ đen cho bị cáo, Cơ quan CSĐT không có thông tin cụ thể xác minh làm rõ để xử lý ở vụ án này.

Vì các lẽ trên:

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 điều 305; Điều 65; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

**Tuyên bố:** Bị cáo Vi Văn N phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ”.

**Hình phạt:** Xử phạt Bị cáo **Vi Văn N 36** (Ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **05** (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Biện pháp tư pháp:** Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đối với Vi Văn N sẽ hết hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**Vật chứng:** Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 68 và Điều 70 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 và Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ”.

Tịch thu giao cho Ban chỉ huy Quân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử lý theo quy định của pháp luật đối với: Chất bột màu nâu đen có tổng khối lượng còn lại sau giám định là 5,6kg, tất cả mẫu vật trên được đựng trong thùng nhựa (dạng thùng sơn) có đường kính chỗ rộng nhất là 30cm, cao nhất 35cm được dán kín bằng giấy niêm phong có chữ ký đứng tên bởi Hoàng Tiến Hà, Lê Văn Kỳ và hình dấu tròn đỏ có nội dung “Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa”.

*Vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại kho của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Minh Hương, địa chỉ: 109, phố Cao Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và Công ty Minh Hương).*

Giao cho Công an huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử lý theo quy định của pháp luật: Các viên kim loại hình cầu màu xám có kích thước đường kính không đều nhau, viên lớn nhất có đường kính 7,3mm, viên nhỏ nhất có đường kính 4,8mm, tổng khối lượng các viên kim loại là 21,2kg. Được đóng gói, dán kín niêm phong bởi các chữ ký đứng tên Lê Thị Thùy Linh, Lê Văn Kỳ và hình dấu tròn đỏ có nội dung “Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa”.

*Đồ vật trên hiện đang được bảo quản tại Công an huyện Quan Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và Công an huyện Quan Hóa).*

**Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Vi Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

**Kháng cáo, Kháng nghị:** Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, Có mặt bị cáo và người bào chữa Nguyễn Ngọc Khang; Vắng mặt người bào chữa Lê Thu Hằng; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV-THA - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 7 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan An ninh điều tra - CA tỉnh Thanh Hóa
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Ban chỉ huy Quân sự huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa;
- Bị cáo Vi Văn N;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Công ty CPĐTXD & TM Minh Hương;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**



